

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122064200801 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	ñ Th@h An	27/02/1994						7.0	6.0	5.0	5.0		5.8	2.9	7.0	3.5	6.4	
2	3641012025	36C1	Nguy n B pnh An	06/01/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
3	3641010098	36C1	Nguy n Ho@ng n	21/09/1993						6.0	7.0	7.0	4.0		6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
4	3641010072	36C1	H@VÑñ B o	02/03/1993						7.0	4.0	3.0	1.0		3.8	1.9	5.0	2.5	4.4	
5	3641010116	36C1	Nguy n Huuñh Th'i B o	18/11/1993						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
6	3641010482	36C1	Vô Xuân Biên	02/02/1994						7.0	7.0	6.0	5.0		6.3	3.2	5.0	2.5	5.6	
7	3641010023	36C1	Tr n Nh Bình	07/03/1990						7.0	5.0	3.0	5.0		5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
8	3641010121	36C1	ñ @n Công	28/03/1994						7.0	5.0	3.0	5.0		5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
9	3641010026	36C1	Tr n Minh D ñg	27/08/1993						7.0	7.0	6.0	9.0		7.3	3.7	6.0	3.0	6.6	
10	3641010141	36C1	H S ã ang	09/09/1994						7.0	5.0	4.0	3.0		4.8	2.4	5.0	2.5	4.9	
11	3641010135	36C1	Nguy n Th@h ã t	20/07/1994						7.0	5.0	4.0	5.0		5.3	2.7	3.0	1.5	4.1	
12	3641010128	36C1	Ph m Tì n ã t	30/07/1994						7.0	7.0	7.0	5.0		6.5	3.3	7.0	3.5	6.8	
13	3641010049	36C1	Lê Hoàng ã i p	21/07/1993						4.0	5.0	4.0	5.0		4.5	2.3	5.0	2.5	4.8	
14	3641010148	36C1	Bçi VÑñ ã o@	12/01/1993						7.0	5.0	5.0	4.0		5.3	2.7	5.0	2.5	5.1	
15	3641010021	36C1	H@Tr ñg Hào	15/05/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3641010101	36C1	Vô Phúc H u	18/06/1994						6.0	5.0	5.0	7.0		5.8	2.9	6.0	3.0	5.9	
17	3641010081	36C1	T C»ng Kha	21/02/1993						7.0	4.0	5.0	4.0		5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
18	3641010070	36C1	Nguy n Duy Khang	08/09/1994						7.0	4.0	4.0	4.0		4.8	2.4	3.0	1.5	3.9	
19	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994						1.0	5.0	0.0	0.0		1.5	0.8	0.0	0.0	0.8	CT
20	3641010113	36C1	L² D ñg Linh	16/11/1993						8.0	8.0	8.0	8.0		8.0	4.0	6.0	3.0	7.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122064200801 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3641010123	36C1	Nguy n Vñ h M nh	23/05/1994						1.0	5.0	5.0	0.0		2.8	1.4	0.0	0.0	1.4	CT
22	3641010146	36C1	Qu`ch H u Nam	23/08/1993						7.0	4.0	7.0	3.0		5.3	2.7	2.0	1.0	3.6	
23	3641010109	36C1	ñ M nh Nguyên	03/10/1993						6.0	4.0	4.0	5.0		4.8	2.4	3.0	1.5	3.9	
24	3641010097	36C1	Nguy n Quang Phúc	10/11/1992						8.0	5.0	5.0	4.0		5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
25	3641010082	36C1	H Ng c Quý	15/01/1994						7.0	6.0	5.0	6.0		6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
26	3641010057	36C1	Phan Thanh S n	01/03/1994						7.0	7.0	7.0	9.0		7.5	3.8	8.0	4.0	7.8	
27	3641010053	36C1	Nguy n Nh t Tân	23/12/1993						6.0	5.0	7.0	7.0		6.3	3.2	3.0	1.5	4.6	
28	3641010105	36C1	V½T n Tây	17/05/1994						6.0	4.0	4.0	6.0		5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
29	3641010046	36C1	Nguy n Th@nh Ti n	10/12/1994						7.0	6.0	4.0	5.0		5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
30	3641010354	36C1	Tr n Vñ h Tỉnh	05/02/1992						7.0	3.0	6.0	5.0		5.3	2.7	4.0	2.0	4.6	
31	3641010095	36C1	ñ @n Trung Tích	06/02/1994						6.0	5.0	5.0	3.0		4.8	2.4	4.0	2.0	4.4	
32	3641010016	36C1	Nguy n Vñ h T nh	18/05/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
33	3641010092	36C1	H H u Toàn	20/04/1994						8.0	9.0	9.0	7.0		8.3	4.2	9.0	4.5	8.6	
34	3641010090	36C1	L² Ng c Toàn	13/02/1994						7.0	5.0	4.0	8.0		6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
35	3641010124	36C1	Tr n Anh To i	28/04/1991						8.0	8.0	8.0	1.0		6.3	3.2	10.0	5.0	8.1	
36	3641010132	36C1	L² Nguy n Ho@ng Tu n	05/09/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3641010040	36C1	Phan Thanh Tu n	19/02/1993						7.0	6.0	4.0	4.0		5.3	2.7	4.0	2.0	4.6	
38	3641010011	36C1	Võ Duy Tu n	16/03/1994						7.0	1.0	3.0	7.0		4.5	2.3	3.0	1.5	3.8	
39	3641010083	36C1	Tr ng Vñ h Tuyên	30/07/1994						7.0	6.0	7.0	3.0		5.8	2.9	4.0	2.0	4.9	
40	3641010115	36C1	Nguy n Thanh Tùng	11/03/1994						0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122064200801 - V k thu t H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3641010074	36C1	Tr n Vấ	Tú	21/06/1994					7.0	6.0	2.0	6.0		5.3	2.7	5.0	2.5	5.1	
42	3641010025	36C1	L ² T n	Th	24/05/1990					7.0	3.0	1.0	4.0		3.8	1.9	4.0	2.0	3.9	
43	3642010143	36C1	Nguy n Vấ	Th ch	00/00/1991					8.0	6.0	8.0	9.0		7.8	3.9	7.0	3.5	7.4	
44	3641010093	36C1	H Mai	Thân	20/10/1992					0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
45	3641010030	36C1	Phan ấ c	Thi	26/06/1993					8.0	5.0	7.0	9.0		7.3	3.7	4.0	2.0	5.6	
46	3641010042	36C1	Nguy n Qu c	Th nh	20/08/1994					7.0	4.0	4.0	0.0		3.8	1.9	0.0	0.0	1.9	CT
47	3641010058	36C1	Lê Quang	Th ng	21/08/1993					7.0	0.0	0.0	0.0		1.8	0.9	0.0	0.0	0.9	CT
48	3641010111	36C1	L ² Qu c	Tr n	29/01/1994					1.0	7.0	0.0	0.0		2.0	1.0	0.0	0.0	1.0	CT
49	3641010136	36C1	Tr n Minh	Trí	11/12/1993					6.0	1.0	5.0	5.0		4.3	2.2	4.0	2.0	4.1	
50	3601010016	36C1	Ho ấ ấ c	Tr n	21/01/1994					7.0	5.0	4.0	4.0		5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
51	3641010108	36C1	L ² Qu c	Vấ	00/00/1985					7.0	7.0	6.0	6.0		6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	
52	3641010112	36C1	Nguy n Ch'	Viên	27/11/1994					7.0	7.0	5.0	5.0		6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	

T ng s : 52 h c sinh sinh vĩ n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ² n B M»n Gi" o V Khoa